

VIỆN KIỂM SÁT - TÒA ÁN -
CÔNG AN - CỤC THI HÀNH
ÁN DÂN SỰ -
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
TRẠI GIAM BÌNH ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Số: 01/2019/QCLN-VKS-TA-
CA-THA-TBĐ

**QUY CHẾ LIÊN NGÀNH
PHỐI HỢP VỀ BÁO CÁO, THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI,
TỐ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2016;
Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;
Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018;
Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Luật Tố tụng hành chính năm 2015;
Căn cứ Luật thi hành án hình sự năm 2010;
Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-
BNN&PTNT ngày 05/4/2018 của liên ngành Trung ương;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-
BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của liên ngành Trung ương;
Căn cứ các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động
tư pháp;
Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an, Cục thi hành án dân sự tỉnh
Thừa Thiên Huế, Trại giam Bình Điền – Cục 10 – Bộ Công an ban hành Quy chế
liên ngành phối hợp về báo cáo, thông báo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong
hoạt động tư pháp.*

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi phối hợp

Quy định về phối hợp của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc báo cáo, thông báo, tiếp nhận, phân loại, thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

Điều 2. Đối tượng phối hợp

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc báo cáo, thông báo, tiếp nhận, phân loại, thụ lý, giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp và các cơ quan được giao một số hoạt động điều tra tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động tư pháp* là hoạt động trong các lĩnh vực tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thủ tục phá sản, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, thi hành tạm giữ, tạm giam, xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án và việc khác mà pháp luật quy định là hoạt động tư pháp.

2. *Khiếu nại trong hoạt động tư pháp* là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức, theo thủ tục do pháp luật quy định, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp, khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

3. *Tố cáo trong hoạt động tư pháp* là việc cá nhân, theo thủ tục do pháp luật quy định, báo cho cơ quan, người có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

4. *Biện pháp kiểm sát* là cách thức Viện kiểm sát tiến hành kiểm tra, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự, dân sự, hành chính, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự, thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới.

5. *Báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp* là văn bản của cơ quan cấp dưới gửi cơ quan cấp trên trong cùng ngành để báo cáo.

6. *Thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp* là văn bản do các cơ quan gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Các cơ quan phối hợp đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp; đảm bảo việc chỉ đạo tập trung, thống nhất, kịp thời của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới.

2. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan bảo đảm công tác kiểm sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp được quản lý chặt chẽ, tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; việc xây dựng báo cáo, thông báo phải chính xác, đảm bảo đúng, đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thời hạn đã được quy định trong Quy chế này và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp, từng cơ quan tùy theo nội dung vụ việc mà chủ động áp dụng các phương thức phối hợp và cơ quan phối hợp.

4. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của mỗi cấp, trong đó Viện kiểm sát giữ vai trò chủ trì đối với những vụ việc phức tạp, kéo dài, bức xúc, có nhiều quan điểm giải quyết khác nhau giữa các cơ quan phối hợp.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện bằng cách trao đổi trực tiếp, qua điện thoại, qua thư điện tử, gửi công văn đề nghị phối hợp; báo cáo, thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp; cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố, xét xử, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, kiểm sát hoạt động tư pháp.

2. Tổ chức tự kiểm tra, chỉ đạo công tác báo cáo, thông báo, tiếp nhận, quản lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp tại cơ quan.

3. Tổ chức họp lãnh đạo liên ngành về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp do VKSND chủ trì.

4. VKSND có trách nhiệm tổng hợp kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp để báo cáo Quốc hội, liên ngành Trung ương và các ban, ngành cấp trên khi có yêu cầu.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong tiếp nhận đơn

1. Đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, đơn đề nghị, kiến nghị, phản ánh được gửi đến các cơ quan (kể cả đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan phối hợp) đều được tiếp nhận và quản lý tại một đầu mối (do lãnh đạo cơ quan phân công).

2. Đối với đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì thụ lý để giải quyết đồng thời thông báo cho cơ quan phối hợp biết để phối hợp theo quy định (nếu cần thiết).

3. Đối với đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì vào sổ tiếp nhận đơn, sau đó chuyển cho cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

4. Khi thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền hoặc chuyển đơn cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì sử dụng các biểu mẫu kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của liên ngành Trung ương và theo biểu mẫu của mỗi ngành.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, lập biên bản ghi nội dung khiếu nại, tố cáo khi người khiếu nại, tố cáo trực tiếp đến trình bày (trường hợp cần thiết có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh); ghi chép đầy đủ nội dung khiếu nại, tố cáo vào sổ thụ lý, theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật và gửi quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thụ lý hoặc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, kết luận về việc tố cáo, quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, các cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết cho Viện kiểm sát cùng cấp để kiểm sát việc giải quyết khiếu nại (văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo).

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tư pháp, Viện kiểm sát phải thông báo bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan ban hành quyết định (trong tố tụng hình sự).

3. Cơ quan, cá nhân có quyết định, hành vi tố tụng, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải trình bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người, cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo. Riêng cơ quan điều tra chỉ cung cấp cho Viện kiểm sát những tài liệu mà Viện kiểm sát chưa có.

Việc giải trình, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 03 ngày đối với khiếu nại, 05 ngày đối với tố cáo, kể từ khi nhận được yêu cầu.

Việc cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam được thực hiện trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết.

** Nếu ngày cuối cùng trong các thời hạn nói trên trùng với ngày cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày hết thời hạn sẽ được tính tiếp vào ngày làm việc tiếp theo.*

4. Người giải quyết tố cáo, người được phân công xác minh nội dung tố cáo phải giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; yêu cầu cơ quan chức năng bảo vệ người tố cáo trong trường hợp họ bị đe dọa, trả thù, trù dập.

5. Trong quá trình giải quyết tố cáo, nếu phát hiện thấy hành vi tố tụng liên quan có vi phạm pháp luật thì người giải quyết tố cáo phải áp dụng biện pháp ngăn chặn, hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn cho đến khi có kết quả giải quyết tố cáo; nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải

chuyển đơn tố cáo hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo và tài liệu, chứng cứ liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp người bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý. Nếu xác định tố cáo là sai sự thật thì phải khôi phục hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra; đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

6. Tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giam theo quyết định của Phó Chánh án Tòa án do Chánh án Tòa án giải quyết. Tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giam theo quyết định của Chánh án Tòa án do Tòa án trên một cấp giải quyết; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc tổ chức thi hành quyết định bắt, tạm giam của Tòa án do Thủ trưởng cơ quan người có trách nhiệm thi hành quyết định đó giải quyết. Thời hạn giải quyết tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giam và tổ chức thi hành quyết định bắt, tạm giam của Tòa án được thực hiện theo quy định về thời hạn tại khoản 4 Điều 481 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 8. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp, người, cơ quan có thẩm quyền chủ động áp dụng các phương thức phối hợp với các cơ quan khác có liên quan. Tùy theo nội dung vụ việc, cơ quan chủ trì đề nghị cơ quan phối hợp gửi thông tin, tài liệu, chứng cứ hoặc cử cán bộ cùng tham gia.

2. Đối với đơn khiếu nại, tố cáo do Viện kiểm sát chủ trì giải quyết thì sẽ chủ động thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo; giải trình bằng văn bản đối với những nội dung khiếu nại, tố cáo mà cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu; cử cán bộ tham gia xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo, thẩm định nội dung khiếu nại và chứng cứ, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, phối hợp thực hiện các thủ tục khác của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có yêu cầu).

Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục như sau:

+ Yêu cầu người khiếu nại, tố cáo trình bày về nội dung khiếu nại và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại, tố cáo;

+ Kiểm tra tính pháp lý của quyết định tố tụng, hành vi tố tụng, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại, tố cáo;

+ Thông báo thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo;

+ Yêu cầu cán bộ, cơ quan bị khiếu nại, tố cáo báo cáo giải trình và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan kèm theo;

+ Quyết định phân công cán bộ xác minh khiếu nại, tố cáo. Cán bộ được phân công xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo trình người có thẩm quyền giải quyết phê duyệt;

+ Kế hoạch xác minh khiếu nại, tố cáo của cán bộ được phân công;

+ Công văn đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo. Trong trường hợp cần thiết, cán bộ xác minh trực tiếp làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo; trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra (trong trường hợp giải quyết tố cáo);

+ Giấy mời người khiếu nại, tố cáo đến đối thoại trước khi ban hành quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại theo tinh thần Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Biên bản làm việc với người khiếu nại, tố cáo;

+ Biên bản đối chất giữa người khiếu nại, tố cáo và cán bộ, cơ quan bị khiếu nại, tố cáo (nếu có);

+ Báo cáo đề xuất của cán bộ được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo.

* Khi thời hạn xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người giải quyết khiếu nại, tố cáo xem xét gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp người khiếu nại rút đơn thì phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Trường hợp người tố cáo rút đơn mà người giải quyết tố cáo xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định việc rút tố cáo do bị đe dọa, mua chuộc hoặc người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vụ việc tố cáo vẫn được giải quyết.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải được lập hồ sơ và đánh số bút lục. Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo bao gồm: đơn hoặc biên bản ghi nội dung khiếu nại, tố cáo, băng đĩa ghi hình người đến khiếu nại, tố cáo (nếu có) kèm theo xuất xứ của băng, đĩa ghi âm, ghi hình; văn bản thông báo việc thụ lý khiếu nại, tố cáo; văn bản giải trình của người bị khiếu nại, tố cáo; quyết định phân công xác minh, kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo đã được phê duyệt; biên bản làm việc với người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; báo cáo giải trình của người, cơ quan bị khiếu nại, tố cáo; công văn cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ của cơ quan phối hợp; thông tin, tài liệu, chứng cứ đã

thu thập được; kết quả giám định (nếu có); biên bản tổ chức đối thoại (nếu có); báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, kết luận về việc tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại; các tài liệu khác có liên quan.

B. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THÔNG BÁO

Điều 10. Thời điểm, nội dung báo cáo, thông báo

1. Thời điểm lấy số liệu báo cáo, thông báo như sau:

a) Báo cáo, thông báo định kỳ 06 tháng lấy số liệu từ ngày 01 tháng 10 của năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 3 của kỳ báo cáo, thông báo.

b) Báo cáo, thông báo để xây dựng báo cáo trình Ủy ban tư pháp thẩm tra, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến lấy số liệu từ ngày 01 tháng 10 của năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo, thông báo.

c) Báo cáo, thông báo bổ sung để hoàn thiện báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp phục vụ cho báo cáo của cơ quan tư pháp cấp trên trình Quốc hội lấy số liệu bổ sung từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo, thông báo.

2. Nội dung báo cáo, thông báo gồm:

a) Nội dung báo cáo, thông báo theo điểm a, b, khoản 1, Điều 9 của Quy chế này theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018 của liên ngành Trung ương (Thông tư 01).

b) Nội dung báo cáo, thông báo theo điểm c, khoản 1, Điều 10 của Quy chế này theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01.

3. Báo cáo, thông báo phải kèm theo các phụ lục thống kê số liệu. Việc xây dựng báo cáo, thông báo và phụ lục thống kê số liệu thực hiện theo các mẫu, phụ lục ban hành kèm Thông tư 01.

4. Đối với những báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan giám sát, các cơ quan tư pháp cấp trên hoặc các cơ quan Đảng, Nhà nước thì tùy từng trường hợp cụ thể để cơ quan chủ trì yêu cầu về nội dung và thời gian thực hiện báo cáo.

Quá trình thực hiện phải phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp để kiểm tra, rà soát, đảm bảo tính thống nhất, chính xác số liệu báo cáo.

Điều 11. Thời hạn gửi báo cáo, thông báo

1. Thời hạn gửi báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp định kỳ 06 tháng như sau:

a) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp huyện gửi lên cơ quan, đơn vị cấp tỉnh mỗi ngành, đồng gửi Viện kiểm sát cùng cấp trước ngày 03 tháng 4 của kỳ báo cáo.

b) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh gửi lên cơ quan, đơn vị cấp trung ương của mỗi ngành, đồng gửi Viện kiểm sát tỉnh trước ngày 08 tháng 4 của kỳ báo cáo.

2. Thời hạn gửi báo cáo, thông báo đề xây dựng báo cáo năm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp trình Ủy ban tư pháp thẩm tra, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến như sau:

a) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp huyện gửi lên cơ quan, đơn vị cấp tỉnh của mỗi ngành, đồng gửi Viện kiểm sát cùng cấp trước ngày 03 tháng 8 của năm báo cáo.

b) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, gửi lên cơ quan, đơn vị cấp trung ương của mỗi bộ, ngành, đồng gửi Viện kiểm sát tỉnh trước ngày 08 tháng 8 của năm báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo, thông báo bổ sung đề hoàn thiện báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp trình Quốc hội như sau:

a) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp huyện gửi lên cơ quan, đơn vị cấp tỉnh của mỗi ngành, đồng gửi Viện kiểm sát cùng cấp trước ngày 03 tháng 10 của năm báo cáo.

b) Báo cáo của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh gửi lên cơ quan, đơn vị cấp trung ương của ngành, đồng gửi Viện kiểm sát tỉnh trước ngày 08 tháng 10 của năm báo cáo.

Điều 12. Thẩm quyền ký văn bản báo cáo, thông báo

Báo cáo, thông báo do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị vắng mặt thì có thể ủy quyền lại cho cấp phó của mình ký thay (KT).

Điều 13. Công tác kiểm tra, chỉ đạo

Hàng năm, các cơ quan tư pháp cấp tỉnh tiến hành kiểm tra đột xuất hoặc theo kế hoạch công tác tiếp nhận, phân loại, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp đối với các cơ quan cấp huyện.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm chủ trì phối hợp liên ngành tiến hành kiểm tra việc tiếp nhận, phân loại, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp đối với các cơ quan tư pháp cấp huyện khi cần thiết.

C. PHỐI HỢP KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 14. Phạm vi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện kiểm sát

Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới từ khi tiếp nhận, thụ lý khiếu nại, tố cáo cho đến khi ban hành quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Điều 15. Các biện pháp kiểm sát của Viện kiểm sát

1. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo khi: nhận được đơn khiếu nại, tố cáo kèm theo tài liệu chứng minh việc cơ quan, người có thẩm quyền không giải quyết khiếu nại, tố cáo khi đã hết thời hạn; theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kèm theo đơn khiếu nại, tố cáo; có căn cứ khác xác định cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo không ban hành văn bản giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ban hành văn bản yêu cầu

được thực hiện trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được thông tin về vi phạm.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát, cơ quan được kiểm sát phải thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Trường hợp có lý do khách quan cần kéo dài thời hạn, cơ quan được kiểm sát phải thông báo rõ lý do bằng văn bản, thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản.

2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tự kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cấp mình và cấp dưới, thông báo kết quả cho Viện kiểm sát khi: nhận được đơn khiếu nại, tố cáo và có căn cứ xác định cơ quan có thẩm quyền có dấu hiệu vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo nhưng chưa đủ căn cứ kết luận vi phạm; theo yêu cầu của cơ quan giám sát kèm theo đơn khiếu nại, tố cáo;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, cơ quan được kiểm sát phải thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Trường hợp có lý do khách quan cần kéo dài thời hạn, cơ quan được kiểm sát phải thông báo rõ lý do bằng văn bản, thì thời hạn là 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết cung cấp hồ sơ, tài liệu giải quyết khiếu nại, tố cáo khi: nhận được đơn khiếu nại, tố cáo và qua nghiên cứu nội dung đơn phát hiện dấu hiệu vi phạm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; theo yêu cầu của cơ quan giám sát kèm theo đơn khiếu nại, tố cáo; khi nhận được văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và có căn cứ xác định dấu hiệu vi phạm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, cơ quan được kiểm sát phải thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Trường hợp có lý do khách quan cần kéo dài thời hạn, cơ quan được kiểm sát phải thông báo rõ lý do bằng văn bản, thì thời hạn là 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản.

Biện pháp kiểm sát này không thực hiện trong tố tụng dân sự và tố tụng hành chính; chỉ áp dụng khi Viện kiểm sát tiến hành kiểm sát việc giải quyết khiếu nại đối với hành vi của người có thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

4. Trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo khi: nhận được đơn khiếu nại, tố cáo và qua nghiên cứu nội dung đơn phát hiện dấu hiệu vi phạm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; theo yêu cầu của cơ quan giám sát kèm theo đơn khiếu nại, tố cáo; có căn cứ khác xác định cơ quan có thẩm quyền có dấu hiệu vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Biện pháp trực tiếp kiểm sát chỉ áp dụng trong tố tụng hình sự, thi hành án hình sự đối với từng vụ việc khiếu nại, tố cáo hoặc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong một thời điểm nhất định.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trực tiếp kiểm sát, cơ quan được kiểm sát phải xây dựng báo cáo theo các nội dung được kiểm sát và

cung cấp đầy đủ hồ sơ, số thụ lý và các tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Viện kiểm sát, tạo điều kiện cho Viện kiểm sát thực hiện việc kiểm sát.

Điều 16. Việc ban hành kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát

1. Kết thúc việc áp dụng một trong các biện pháp kiểm sát nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 của Quy chế này, Viện kiểm sát phải ban hành kết luận kiểm sát. Trường hợp áp dụng nhiều biện pháp kiểm sát đối với một vụ việc thì Viện kiểm sát chỉ ban hành kết luận kiểm sát khi kết thúc biện pháp kiểm sát cuối cùng.

Trường hợp có căn cứ kết luận vi phạm pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan được kiểm sát, tùy tính chất mức độ vi phạm, Viện kiểm sát ban hành kháng nghị hoặc kiến nghị yêu cầu cơ quan được kiểm sát khắc phục vi phạm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị hoặc kiến nghị của Viện kiểm sát, cơ quan được kiểm sát phải có văn bản trả lời; trường hợp cần kéo dài thời hạn thì cơ quan được kiểm sát phải có văn bản thông báo rõ lý do. Nội dung văn bản trả lời phải nêu ý kiến đồng ý thực hiện hoặc không đồng ý với kháng nghị hoặc kiến nghị của Viện kiểm sát.

Nếu không nhất trí với kháng nghị hoặc kiến nghị của Viện kiểm sát, cơ quan được kiểm sát có quyền kiến nghị đến Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải có văn bản kết luận và trả lời cơ quan được kiểm sát.

2. Trường hợp Viện kiểm sát ban hành văn bản yêu cầu, kháng nghị hoặc kiến nghị, nhưng cơ quan được kiểm sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ mà không có lý do thì Viện kiểm sát có quyền kiến nghị cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan được kiểm sát để có biện pháp buộc cơ quan được kiểm sát phải thực hiện.

** Nếu ngày cuối cùng trong các thời hạn nói trên trùng với ngày cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày hết thời hạn sẽ được tính tiếp vào ngày làm việc tiếp theo.*

Điều 17. Kiểm tra việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị

Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị hoặc kiến nghị có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện kháng nghị hoặc kiến nghị. Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung kháng nghị hoặc kiến nghị.

Việc kiểm tra thực hiện kháng nghị, kiến nghị phải có quyết định kiểm tra. Kết thúc kiểm tra, Viện kiểm sát phải có văn bản kết luận việc thực hiện kháng nghị hoặc kiến nghị của cơ quan được kiểm tra.

Chương 3

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, Trại giam Bình Điền - Cục 10 – Bộ Công an có trách nhiệm thi hành Quy chế liên ngành này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế liên ngành phối hợp về báo cáo, thông báo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ban hành. Quy chế này thay thế Quy định số 304/QĐPH/VKS-TA-CA-THA ngày 27/4/2010 về phối hợp giữa Viện kiểm sát, Tòa án, Công an, Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp và các quy định phối hợp về thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của liên ngành tư pháp cấp huyện.

2. Những khiếu nại, tố cáo được thụ lý trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà chưa có văn bản giải quyết thì việc giải quyết được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, các đơn vị sẽ trao đổi để bổ sung, chỉnh sửa kịp thời.

Công an

tỉnh Thừa Thiên Huế

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Đặng Ngọc Sơn

Tòa án nhân dân

tỉnh Thừa Thiên Huế

PHÓ CHÁNH ÁN



La Minh Tường

Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Thừa Thiên Huế

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hải

Cục thi hành án dân sự

tỉnh Thừa Thiên Huế

CỤC TRƯỞNG



Phạm Công Hiến

Trại giam Bình Điền - Cục 10 -

Bộ Công an

PHÓ GIÁM THỊ



Thượng tá Trần Bá Lương